TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/DS-ST
Ngày 22/3/2024
Về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TÂY NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Song Tố Như

- Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Hoàng Thị Ngọc Tâm;

+ Ông Mai Văn Tự.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Tuyết Mai – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Võ Công Đức – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 537/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng B (BBank); địa chỉ: Tòa nhà H, số 412, đường K, phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quang T – chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền của ông T: ông Ông Nguyễn Phúc H, chức vụ: Giám đốc Trung tâm QL&THN *(Theo Văn bản ủy quyền đề ngày 01/6/2021)*

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huy: Ông Lý Thành T *(Theo Văn bản ủy quyền đề ngày 13/9/2023)* (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp P, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng B (sau đây gọi tắt là Ngân hàng BBank) và ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị T có ký Hợp đồng tín dụng số 0172200033200 ngày 17/5/2022; Giấy nhận nợ ngày 18/5/2022 đính kèm theo Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 01722000080TD ngày 15/6/2022, cụ thể:

+ Về hợp đồng tín dụng số 0172200033200 ngày 17/5/2022, ông T, bà T vay số tiền 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu) đồng, mục đích vay để thanh toán tiền mua gỗ, thời hạn vay 12 tháng với lãi suất 12%/năm, lãi suất từ tháng thứ 4 được điều chỉnh theo công thức lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở đối với khách hàng cá nhân tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3,3%/năm

+ Về Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng, ông T, bà T được cấp thẻ tín dụng số 01722000080TD ngày 13/6/2022 với hạn mức sử dụng 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, lãi suất trong hạn là 35%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho các khoản vay nêu trên, ông T, bà T đã ký với Ngân hàng BBank Hợp đồng thế chấp số 0172100031500 ngày 14/5/2021 số công chứng 3448 do Phòng công chứng số 1, tỉnh Tây Ninh chứng nhận ngày 14/5/2021 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 0172100031501 ngày 12/8/2021 số công chứng 5536 do Phòng công chứng số 1, tỉnh Tây Ninh chứng nhận ngày 12/8/2021 và cam kết thế chấp toàn bộ tài sản gắn liền với đất ngày 14/5/2021. Tài sản thế chấp gồm bất động sản thuộc thửa đất số 196, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số Cl037695, số vào sổ cấp GCN số CS02458 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21/12/2017 cho ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị T. Tài sản bảo đảm đã được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh, chi nhánh Huyện D ngày 14/5/2021

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T, bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã giao kết tại Hợp đồng tín dụng số 0172200033200 ngày 17/5/2022; Giấy nhận nợ ngày 18/5/2022 đính kèm theo Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 01722000080TD ngày 15/6/2022. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhưng ông T, bà T vẫn không thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T, bà T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 22/3/2024 là 3.013.858.459 (Ba tỷ không trăm mười ba triệu tám trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi chín) đồng; cụ thể gồm:

+ Đối với Hợp đồng tín dụng số 0172200033200 ngày 17/5/2022; Giấy nhận nợ ngày 18/5/2022 đính kèm theo Hợp đồng tín dụng, gồm 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu) đồng là khoản nợ gốc, 35.579.241 (ba mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm bốn mươi mốt) đồng là khoản nợ lãi trong hạn, 3.083.207 (ba triệu không trăm tám mươi ba nghìn hai trăm lẻ bảy) đồng là khoản lãi phạt chậm trả lãi, 439.520.548 (bốn trăm ba mươi chín triệu năm trăm hai mươi nghìn năm trăm bốn mươi tám) đồng là khoản lãi phạt chậm trả gốc.

+ Đối với Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 01722000080TD ngày 15/6/2022, gồm 23.140.296 (hai mươi ba triệu một trăm bốn mươi nghìn hai trăm chín mươi sáu) đồng là khoản nợ gốc, 1.318.463 (một triệu ba trăm mười tám nghìn bốn trăm sáu mươi ba) đồng là khoản nợ lãi trong hạn, 11.216.704 (mười một triệu hai trăm mười sáu nghìn bảy trăm lẻ bốn) đồng là khoản nợ lãi quá hạn.

Ông T, bà T phải chịu các khoản tiền lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi phát sinh kể từ ngày 22/3/2024 theo mức lãi suất được quy định trong Hợp đồng tín dụng số 0172200033200 ngày 17/5/2022, Giấy nhận nợ ngày 18/5/2022 đính kèm theo Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 01722000080TD ngày 13/6/2022 cho đến khi trả hết nợ

Trường hợp ông T, bà T không thanh toán nợ hoặc không thanh toán đủ nợ, Ngân hàng BBank được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 0172100031500 ngày 14/5/2021 số công chứng 3448 do Phòng công chứng số 1, tỉnh Tây Ninh chứng nhận ngày 14/5/2021 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 0172100031501 ngày 12/8/2021 số công chứng 5536 do Phòng công chứng số 1, tỉnh Tây Ninh chứng nhận ngày 12/8/2021 đối với tài sản thế chấp gồm bất động sản thuộc thửa đất số 196, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số Cl037695, số vào sổ cấp GCN số CS02458 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21/12/2017 cho ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị T

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ cho Ngân hàng BBank thì ông T, bà T có trách nhiệm thanh toán hết số nợ còn lại cho Ngân hàng BBank

Về chi phí tố tụng, Ngân hàng BBank yêu cầu ông T, bà T phải hoàn trả lại cho Ngân hàng BBank số tiền 900.000 (chín trăm nghìn) đồng là chi phí xem xét thẩm định tại chỗ mà Ngân hàng BBank đã tạm ứng.

Tại các biên bản lấy lời khai và trong quá trình làm việc, bị đơn – Ông Nguyễn Anh T trình bày:

Ông T thừa nhận các nội dung về ngày ký Hợp đồng cho vay, số tiền đã vay, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi chậm trả lãi và quá trình thực hiện hợp đồng

trong Hợp đồng tín dụng số 0172200033200 ngày 17/5/2022; Giấy nhận nợ ngày 18/5/2022 đính kèm theo Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 01722000080TD ngày 15/6/2022 đúng như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày.

Ông T, bà T có thế chấp tài sản nhằm bảo đảm cho khoản vay gồm Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 196, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số Cl037695, số vào sổ cấp GCN số CS02458 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21/12/2017 cho ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị T. Tài sản thế chấp do vợ chồng ông T, bà T trực tiếp quản lý, sử dụng đến nay.

Do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông T, bà T chưa trả cho Ngân hàng khoản tiền đã vay cũng như các khoản lãi phát sinh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị T thông qua người sống chung nhà là ông Nguyễn Anh T. Ông T cam kết giao các văn bản tố tụng lại cho bà T. Tuy nhiên, bà T không đến Tòa án làm việc, không tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán đã ban hành các quyết định, cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật, Thẩm phán đã giải thích đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự. Các đương sự chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng BBank số tiền tạm tính đến ngày 22/3/2024 là 3.013.858.459 (Ba tỷ không trăm mười ba triệu tám trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi chín) đồng. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chi phí tố tụng, án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Ngân hàng BBank khởi kiện ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị T về tranh chấp hợp đồng

tín dụng là hợp đồng dân sự, tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị T nơi cư trú tại xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện D theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật

[2] Về chứng cứ: Tại phiên toà, các đương sự không cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ mới nên Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu chứng cứ các đương sự đã giao nộp và Toà án đã thu thập theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[3] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp có trong hồ sơ vụ án và xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Hình thức và nội dung Hợp đồng tín dụng số 0172200033200 ngày 17/5/2022, Giấy nhận nợ ngày 18/5/2022 đính kèm theo Hợp đồng tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 01722000080TD ngày 13/6/2022 giữa Ngân hàng BBank với ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị T không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng. Việc ký hợp đồng tín dụng được thực hiện đúng theo trình tự pháp luật về tín dụng Ngân hàng nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật.

[3.2] Hội đồng xét xử nhận thấy ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị T không thực hiện đầy đủ, không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền gốc và tiền lãi theo đúng kỳ hạn là vi phạm thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0172200033200 ngày 17/5/2022, Giấy nhận nợ ngày 18/5/2022 đính kèm theo Hợp đồng tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 01722000080TD ngày 13/6/2022. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên căn cứ các Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng BBank số tiền nợ gốc tính đến ngày 22/3/2024 của Hợp đồng tín dụng số 0172200033200 ngày 17/5/2022, Giấy nhận nợ ngày 18/5/2022 đính kèm theo Hợp đồng tín dụng là (1) 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu) đồng và số tiền nợ gốc tính đến ngày 22/3/2024 của Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 01722000080TD ngày 13/6/2022 giữa Ngân hàng BBank với ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị T là (2) 23.140.296 (hai mươi ba triệu một trăm bốn mươi nghìn hai trăm chín mươi sáu) đồng. Tổng hai khoản (1)

và (2) là 2.523.140.296 (hai tỷ năm trăm hai mươi ba triệu một trăm bốn mươi nghìn hai trăm chín mươi sáu) đồng.

[3.3] Về lãi suất:

Căn cứ thoả thuận lãi suất tại Hợp đồng tín dụng số 0172200033200 ngày 17/5/2022, Giấy nhận nợ ngày 18/5/2022 đính kèm theo Hợp đồng tín dụng thì mức lãi suất cho vay trong hạn do các bên thỏa thuận là 12%/năm, lãi suất từ tháng thứ 4 được điều chỉnh theo công thức lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở đối với khách hàng cá nhân tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3,3%/năm. Như vậy, đối với Hợp đồng tín dụng số 0172200033200 ngày 17/5/2022, Ngân hàng xác định từ ngày 04/10/2023, lãi suất trong hạn 13,8%/năm, đồng thời, xác định lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả lãi là 10%/năm là phù hợp với thỏa thuận về lãi suất giữa các bên, phù hợp với pháp luật tín dụng.

Về thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 01722000080TD ngày 13/6/2022 và Bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng BBank, Ngân hàng BBank yêu cầu lãi suất trong hạn 35%/năm và lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là phù hợp với thỏa thuận về lãi suất giữa các bên, phù hợp với pháp luật tín dụng.

Xét thấy số tiền lãi mà Ngân hàng yêu cầu là có căn cứ nên cần được chấp nhận. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 22/3/2024, ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi cụ thể gồm:

+ Đối với Hợp đồng tín dụng số 0172200033200 ngày 17/5/2022 và Giấy nhận nợ ngày 18/5/2022 đính kèm theo Hợp đồng tín dụng, nợ lãi trong hạn là (3) 35.579.241(ba mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm bốn mươi mốt) đồng; nợ lãi chậm trả gốc là (4) 439.520.548 (bốn trăm ba mươi chín triệu năm trăm hai mươi nghìn năm trăm bốn mươi tám) đồng và nợ lãi chậm trả lãi là (5) 3.083.207 (ba triệu không trăm tám mươi ba nghìn hai trăm lẻ bảy) đồng

+ Đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 01722000080TD ngày 13/6/2022, nợ lãi trong hạn là (6) 1.318.463 (một triệu ba trăm mười tám nghìn bốn trăm sáu mươi ba) đồng; nợ lãi quá hạn là (7) 11.216.704 (mười một triệu hai trăm mười sáu nghìn bảy trăm lẻ bốn) đồng

Tổng các khoản lãi (3) + (4) + (5) + (6) + (7) là 490.718.163 (Bốn trăm chín mươi triệu bảy trăm mười tám nghìn một trăm sáu mươi ba) đồng

[3.4] Xét hợp đồng thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay, hai bên đã giao kết Hợp đồng thế chấp số 0172100031500 ngày 14/5/2021 số công chứng 3448 do Phòng công chứng số 1, tỉnh Tây Ninh chứng nhận ngày 14/5/2021 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 0172100031501 ngày 12/8/2021 số công chứng 5536 do Phòng công chứng số 1, tỉnh Tây Ninh chứng nhận ngày 12/8/2021

đối với tài sản thế chấp gồm bất động sản thuộc thửa đất số 196, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL037695, số vào sổ cấp GCN số CS02458 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21/12/2017 cho ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị T. Xét thấy Hợp đồng thế chấp được xác lập đúng theo quy định pháp luật. Tài sản dùng để thế chấp đảm bảo cho khoản vay là tài sản thuộc sở hữu của vợ chồng ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị T. Do đó trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo quy định của luật thi hành án để thu hồi nợ theo quy định tại Điều 299, 320, 321, 322, 323 của Bộ luật Dân sự. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ cho Ngân hàng BBank thì ông T, bà T có trách nhiệm thanh toán hết số nợ còn lại cho Ngân hàng BBank

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Quá trình giải quyết vụ án, chi phí hợp lý cho việc xem xét thẩm định tại chỗ là 900.000 (chín trăm nghìn) đồng đã chi xong), nguyên đơn Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng trên. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền chi phí tố tụng. Buộc ông T, bà T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng BBank số tiền 900.000 (chín trăm nghìn) đồng chi phí tố tụng.

[5] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông T, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí, cụ thể ông T, bà T phải chịu 72.000.000 + (2% x 1.013.858.459) = 92.277.169 (chín mươi hai triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm sáu mươi chín) đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 299, 320, 321, 322, 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B đối với ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị T về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

Buộc ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng B số tiền tính đến ngày 22/3/2024 là 3.013.858.459 (Ba tỷ không trăm mười ba triệu tám trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi chín) đồng; cụ thể gồm: nợ gốc là 2.523.140.296 (hai tỷ năm trăm hai mươi ba triệu một trăm bốn mươi nghìn hai trăm chín mươi sáu) đồng và nợ lãi là 490.718.163 (Bốn trăm chín mươi triệu bảy trăm mười tám nghìn một trăm sáu mươi ba) đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà khách hàng phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo bản án, quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Trường hợp ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị T không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đủ nợ, Ngân hàng B được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản đảm bảo là: Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 196, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL037695, số vào sổ cấp GCN số CS02458 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21/12/2017 cho ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị T theo Hợp đồng thế chấp số 0172100031500 ngày 14/5/2021 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 0172100031501 ngày 12/8/2021 để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ cho Ngân hàng B thì ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm thanh toán hết số nợ còn lại cho Ngân hàng B

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng B số tiền 900.000 (chín trăm nghìn) đồng.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị T phải chịu 92.277.169 (chín mươi hai triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm sáu mươi chín) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng B số tiền 43.250.000 (bốn mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0014074 ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện D
- Chi cục THADS huyện D
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Song Tố Như